

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/DS-PT

Ngày: 20-3-2019

V/v “Tranh chấp lỗi đi chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Hữu Nhân

Ông Huỳnh Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tỏ – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2018/TLPT- DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp: “Lỗi đi chung”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ R, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Vợ chồng ông Ngô Đ Th, sinh năm: 1982, bà Bùi T Th1, sinh năm: 1988; cư trú tại thôn 4, xã L S, huyện Đ R, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông Lê V T (Lê T T), sinh năm: 1961, bà Phan Thị K S, sinh năm: 1988; cư trú tại thôn 3, xã L S, huyện Đ R, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà S: Ông Nguyễn H T1, sinh năm: 1962; cư trú tại số 79, đường N V T, Phường 2, thành phố A, tỉnh Lâm Đồng. Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn H T1 - Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Vợ chồng ông Hà V B, sinh năm: 1981, bà Phạm T T1, sinh năm: 1983; cư trú tại thôn 3, xã L S, huyện Đ R, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

3.2. Vợ chồng ông Hoàng V N, sinh năm: 1985, bà Nguyễn T Th2, sinh năm: 1986; cư trú tại thôn 3, xã L S, huyện Đ R, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

3.3. Ban quản lý rừng phòng hộ Srp. Trụ sở: thôn 3, xã L S, huyện Đ R, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người kháng cáo: Vợ chồng ông Lê V T, bà Phan Thị K S - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Ngô Đ Th, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của vợ chồng ông Th, bà Th1 thì:

Diện tích đất mà vợ chồng ông đang quản lý sử dụng hiện nay có nguồn gốc do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông Pang Ting Y T2 từ năm 2012 với diện tích khoảng 0,9 ha, khi chuyển nhượng hai bên chỉ viết giấy tay với nhau, chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo đúng quy định của pháp luật. Đến nay diện tích đất này vẫn chưa được cơ quan nhà nước cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng vợ chồng ông đã tiến hành trồng cà phê Robusta, sầu riêng, tiêu và bơ. Vị trí lô đất vợ chồng ông nhận chuyển nhượng nằm bên trong giáp ranh với lô đất của ông T, ông B, ông N, cách đường thôn 3 đi vào là 500m, đường đi vào vườn cà phê của vợ chồng ông ngoài đường đi chung giữa nhà ông T, ông B, gia đình ông N và gia đình ông thì không còn con đường nào khác. Khi vợ chồng ông nhận chuyển nhượng lô đất trên, để có con đường đi lại thuận tiện thì ông, ông Đ, ông L có đến nhà ông T để bàn bạc về việc mở lối đi chung. Sau khi bàn bạc ông T đồng ý bỏ đất, còn 03 hộ còn lại gồm ông, ông Đ, ông L mỗi người góp cho ông T 1.000.000đ để ông T thuê máy móc đất làm đường đi chung, sau khi thỏa thuận mở đường gia đình ông cùng với 03 hộ còn lại đi lại bình thường, không ai tranh chấp. Nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng ông T, bà S cản trở việc đi lại của 03 gia đình bằng cách ông T phoi cà phê trên đường, để máy xay cà phê, củi khô làm cho 03 hộ bên trong không thể vận chuyển hàng hóa, phân bón bằng xe cơ giới được. Vì vậy vợ chồng ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định diện tích đất đường đi mà các bên đang tranh chấp là đường đi chung, đồng thời yêu cầu vợ chồng ông T không được cản trở việc đi lại của gia đình ông và các hộ gia đình khác trên con đường đi chung này.

Theo lời trình bày của vợ chồng ông Lê V T, bà Phan Thị K S thì diện tích đất mà gia đình ông, bà đang quản lý sử dụng có nguồn gốc do vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng của ông B2, hai bên chỉ viết giấy tay với nhau, chưa làm thủ tục sang tên theo quy định, trên diện tích đất chuyển nhượng có 01 con đường mòn đi dọc qua vườn, ở phía dưới giáp với sinh, quá trình sử dụng thì vợ chồng ông, bà có thuê máy móc đất để làm sân phoi cà phê và mở rộng đường mòn này để tiện cho việc vận chuyển phân bón, đồng thời quá trình sử dụng con đường này thì có 03 hộ bên trong có xin được đi nhờ gia đình ông thì

ông vẫn cho các hộ bên trong đi lại rất vui vẻ, nhưng từ khi các hộ bên trong sang nhượng lại đất cho ông Th, ông Đ thì ông Th và ông Đ có đến nhà ông xin đi nhờ và có đưa cho vợ chồng ông, bà mỗi người 1.000.000đ, để được tiếp tục đi nhờ, lúc đầu vợ chồng ông Th đi lại bình thường, nhưng sau này vợ chồng ông Th, ông B và ông N đi lại vận chuyển hàng hóa bằng xe cơ giới làm hư hại đến tài sản của gia đình nên vợ chồng ông, bà yêu cầu các hộ bên trong khi vận chuyển hàng hóa bằng xe cơ giới phải báo trước cho vợ chồng ông, bà 03 ngày để vợ chồng ông, bà dọn dẹp nông sản trên lối đi nhưng các hộ bên trong không đồng ý, từ đó hai bên xảy ra tranh chấp. Nay 03 hộ ông Th, ông B và ông N yêu cầu xác định lối đi trên là lối đi chung, đồng thời buộc vợ chồng ông, bà không được cản trở việc đi lại của 03 hộ bên trong thì vợ chồng ông không đồng ý.

Vợ chồng ông Hà V B, bà Phạm T T1 cho biết diện tích đất mà vợ chồng ông, bà đang quản lý sử dụng có nguồn gốc do vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn V L từ năm 2014, hai bên chỉ viết giấy tay với nhau, chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình sử dụng vợ chồng ông, bà chưa được cơ quan nhà nước cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã tiến hành trồng cà phê Robusta, sầu riêng, tiêu và bơ. Vị trí lô đất vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng của ông L nằm bên trong giáp ranh với lô đất của ông T, ông Th và ông N. Đường đi vào vườn cà phê của vợ chồng ông, bà ngoài đường đi chung giữa nhà ông T, ông Th, gia đình ông N và gia đình ông thì không còn con đường nào khác, khi vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng đất thì đã có sẵn con đường đi vào với chiều rộng là 03m. Theo ông được biết con đường này đã được 03 hộ góp tiền cho ông T để mở đường đi chung, trong đó có ông L, là người chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông cũng có góp tiền. Chính vì vậy ông khẳng định con đường này là đường đi chung của 04 gia đình, đồng thời con đường này là con đường duy nhất đi từ đường thôn vào vườn cà phê của 03 hộ gia đình. Nay ông yêu cầu Tòa án xác định diện tích đất đường đi mà các bên đang tranh chấp là đường đi chung của 04 hộ gia đình, đồng thời yêu cầu ông T không được cản trở việc đi lại của gia đình ông và các hộ gia đình còn lại trên con đường đi chung này.

Vợ chồng ông Hoàng V N, bà Nguyễn T Th2 thống nhất với ý kiến của ông Th và ông B, đề nghị Tòa án xác định phần đất đang tranh chấp là lối đi chung của 04 hộ gia đình, đồng thời yêu cầu ông T không được cản trở việc đi lại của gia đình ông, bà và những hộ khác.

Đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ Srp trình bày:

Diện tích đất mà 04 hộ ông Th, ông T, ông B và ông N tranh chấp để làm lối đi là đất lâm nghiệp, thuộc tiểu khu 194, do Ban quản lý rừng phòng hộ Srp quản lý. Tuy nhiên diện tích đất các hộ lấn chiếm mở lối đi chỉ có 03 mét chiều

rộng, lại là phần đất giáp với đất sinh nên Ban quản lý rừng phòng hộ Srp đồng ý để cho các hộ mở lối đi, nhưng ngoài phần 03 mét này Ban quản lý rừng đề nghị không được lấn chiếm để mở rộng thêm. Ngoài ra Ban quản lý rừng Srp không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 09/2018/DS-ST ngày 16/8/2018 Tòa án nhân dân huyện Đ R, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Đ Th. Tạm giao đường đi có chiều rộng 03 mét. Tổng diện tích 780m² thuộc tiểu khu 194 là đường đi chung của gia đình ông Ngô Đ Th, ông Lê V T, ông Hà V B và ông Hoàng V N.

2. Buộc vợ chồng ông Lê V T (Lê T T), bà Phan Thị K S không được cản trở việc đi lại của gia đình ông Th, gia đình ông B và gia đình ông N.

3. Về án phí:

Buộc vợ chồng ông Lê V T, bà Phan Thị K S phải nộp 585.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại ông Ngô Đ Th 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0003457 ngày 14/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ R.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 28/8/2018 vợ chồng ông Lê V T, bà Phan Thị K S kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận con đường đi là của riêng gia đình ông, bà.

Tại phiên tòa,

Vợ chồng ông T, bà S vẫn giữ nguyên kháng cáo. Luật sư Nguyễn H T1 đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Các đương sự còn lại đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, giao toàn bộ hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Đ R, tỉnh Lâm Đồng giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc cho rằng con đường có chiều rộng 03 mét, tổng diện tích 780m² thuộc tiểu khu 194 dẫn vào vườn của mình, hộ ông B và hộ ông N là

đường đi chung, do vợ chồng ông T, bà S cản trở không cho các hộ trên sử dụng nên ông Ngô Đ Th có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định con đường đi mà các bên đang tranh chấp là lối đi chung của các hộ gia đình phía trong đất của vợ chồng ông T, bà S; bị đơn không đồng ý vì cho rằng đây là lối đi riêng của gia đình ông, bà nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi chung” là chưa chính xác bởi lẽ khi giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm thì con đường các bên tranh chấp được xác định là đất lâm nghiệp, thuộc quyền quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ Srp, các đương sự không có quyền khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất này. Trong thực tế các bên chỉ yêu cầu công nhận lối đi chung để các hộ cùng sử dụng, đề nghị bị đơn không có hành vi cản trở việc đi lại của các hộ dân, Ban quản lý rừng phòng hộ Srp cũng đồng ý cho các hộ dân sử dụng con đường này làm đường đi chung, do vậy chỉ cần xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp lối đi chung" là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 05/12/2017; người khởi kiện là ông Ngô Đ Th khởi kiện ông Lê V T về việc tranh chấp lối đi chung, ông Hà V B và ông Hoàng V N ký tên với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn là vợ chồng ông Th, bà Th1; bị đơn là vợ chồng ông T, bà S trong khi đó nguyên đơn chưa bổ sung yêu cầu khởi kiện xác định bà Th1 cùng khởi kiện với chồng mình là ông Th đồng thời ngoài việc khởi kiện ông T thì nguyên đơn khởi kiện bà S là vi phạm thủ tục tố tụng, trái với nguyên tắc cơ bản "Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự" quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Theo hồ sơ thể hiện thì ông Th khởi kiện ông T, yêu cầu Tòa án công nhận con đường tranh chấp là đường đi chung của 04 hộ bao gồm hộ nhà ông T, ông Th, ông B và ông N, Bản án sơ thẩm công nhận con đường đi này là đường đi chung của cả hộ ông B và ông N là không phù hợp, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng bởi lẽ dù xác định vợ chồng ông B, bà T1; vợ chồng ông N, bà Th2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng quyền lợi của các đương sự này không đồng nhất mà độc lập, không liên quan với quyền lợi của ông Th; các đương sự này có năng lực pháp luật và năng lực hành vi đầy đủ, trong trường hợp muốn cùng sử dụng đường đi chung, vợ chồng ông B, bà T1; vợ chồng ông N, bà Th2 phải thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự của mình thông qua các thủ tục do pháp luật quy định chứ không thể căn cứ vào yêu cầu của người khác để bảo vệ quyền, lợi ích cho mình. Quá trình giải quyết vụ án hai hộ này có tranh chấp và cũng đề nghị công nhận đường đi chung, lẽ ra cấp sơ thẩm phải yêu cầu vợ chồng ông B, bà T1; vợ chồng ông N, bà Th2 phải làm đơn yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án giải quyết và thông báo cho đương sự nộp tạm ứng

án phí dân sự sơ thẩm mới có thể xem xét đến quyền và lợi ích của vợ chồng ông B, bà T1; vợ chồng ông N, bà Th2 nhưng cấp sơ thẩm không thực hiện là không đúng với quy định tại Điểm a, Khoản 1, Khoản 2 Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với Ban quản lý rừng phòng hộ Srp (gọi tắt là Ban quản lý), hồ sơ chỉ thể hiện có 01 lần làm việc với Tòa án vào ngày 23/7/2018 thể hiện qua Biên bản lấy lời khai của đương sự đối với ông Nguyễn T G. Tuy nhiên theo hồ sơ thể hiện thì vào ngày 12/8/2018 ông Nguyễn T Đ1, Phó Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ Srp có Văn bản ủy quyền số 02/GUQ-BQL ủy quyền cho ông G làm việc với Tòa án nhân dân huyện Đ R, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 14/8/2018, ngoài ra không có việc ủy quyền nào khác. Như vậy cấp sơ thẩm làm việc với ông Nguyễn T G (Trưởng phòng KT-QLBVR) với tư cách là người đại diện hợp pháp của Ban quản lý trong khi đó ông G chưa được người đại diện theo pháp luật của Ban quản lý ủy quyền tham gia tố tụng là không hợp pháp.

Ngoài ra cấp sơ thẩm chưa kiểm tra, xác minh để xác định ai là người đại diện theo pháp luật của Ban quản lý để làm cơ sở giải quyết vụ án; tại các biên bản công khai chứng cứ, hòa giải đều không thể hiện có sự tham gia tố tụng của Ban quản lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử, biên bản phiên tòa cũng không có tên của Ban quản lý nhưng Bản án sơ thẩm lại xác định Ban quản lý là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện theo ủy quyền là ông G có đơn xin vắng mặt để xét xử vắng mặt đương sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[3] Về nội dung:

- Con đường có chiều rộng 03m, tổng diện tích là 803m² được trích đo ngày 14/3/2019 thể hiện có 705m² đất nông nghiệp, 92m² đất lâm nghiệp, cấp sơ thẩm căn cứ vào Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23/7/2018 đối với ông Nguyễn T G để xác định toàn bộ đất này là đất lâm nghiệp là chưa chính xác dẫn đến việc định giá tài sản tranh chấp là đất lâm nghiệp là chưa phù hợp với thực tế, không đảm bảo quyền lợi của đương sự.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn cho rằng con đường đang tranh chấp là của riêng nhà mình, có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của người khác, đã chi phí đầu tư tôn tạo rất nhiều nhưng cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ nội dung này, chỉ căn cứ vào lời trình bày của ông G vào ngày 23/7/2018 về việc Ban quản lý cho các hộ dân sử dụng đường làm lối đi chung để xem xét khi giải quyết công nhận là đường đi chung là chưa triệt để.

[4] Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chưa làm rõ các vấn đề vừa nêu, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy án sơ thẩm, giao hồ

sơ cho Tòa án nhân dân huyện Đ R, tỉnh Lâm Đồng để giải quyết lại theo quy định của pháp luật. Do hủy án nên chưa xem xét đến kháng cáo của bị đơn.

[5] Khi thụ lý, giải quyết lại vụ án, cấp sơ thẩm cần làm rõ yêu cầu của vợ chồng ông B, bà T1; vợ chồng ông N, bà Th2; trong trường hợp có yêu cầu độc lập phải làm đơn và đóng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để có cơ sở giải quyết vụ án, căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của đương sự, mục đích sử dụng đất của con đường đang tranh chấp để xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án. Ngoài ra cần phải xác minh thu thập chứng cứ để làm rõ ai là người đại diện theo pháp luật của Ban quản lý để đưa vào tham gia tố tụng, làm rõ ý kiến của Ban quản lý đối với con đường thuộc phần đất lâm nghiệp có diện tích 98m², đối với phần đất nông nghiệp còn lại cần làm rõ thuộc quyền sử dụng của ai, có thuộc trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không và nếu có thì cấp cho ai, cần định giá lại giá trị của con đường theo mục đích sử dụng, xác minh làm rõ công sức đầu tư của bị đơn đối với phần đất này để khi xác định là đường đi chung phải tính toán công sức đầu tư, tôn tạo của đương sự và buộc người được hưởng lợi do khai thác, sử dụng con đường này phải thanh toán lại giá trị cho người thực tế có quyền sử dụng và tôn tạo (nếu có). Bên cạnh đó cần phải làm rõ ngoài vợ chồng ông Th, bà Th1, vợ chồng ông B, bà T1; vợ chồng ông N, bà Th2 có nhu cầu sử dụng đường đi chung thì thành viên của các hộ này có sử dụng con đường này để vào nhà và vườn của 03 hộ nói trên hay không để những người này có ý kiến và đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án nhằm giải quyết triệt để, tranh khiếu kiện nhiều lần.

[6] Về chi phí tố tụng: tại giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn có tạm ứng chi phí đo vẽ, thẩm định giá, xem xét thẩm định tại chỗ (đã quyết toán xong), do hủy án nên khi giải quyết lại cấp sơ thẩm cần xác định người phải chịu chi phí vừa nêu.

[7] Về án phí: Do hủy Bản án sơ thẩm nên vợ chồng ông T, bà S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án số 09/2018/DS-ST ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ R, tỉnh Lâm Đồng về việc “Tranh chấp lỗi đi chung” giữa vợ chồng ông Ngô Đ Th, bà Bùi T Th1 và vợ chồng ông Lê V T (Lê T T), bà Phan Thị K S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Hà V B, bà Phạm T T1, vợ chồng ông Hoàng V N, bà Nguyễn T Th2 và Ban quản lý rừng phòng hộ Srp; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ R, tỉnh Lâm Đồng giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Vợ chồng ông Lê V T (Lê T T), bà Phan Thị K S được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003636 ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ R, tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Đ R, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đ R, tỉnh Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Châu Thạch